

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc: “tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vô hiệu, đòi lại tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Trúc L**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp Cầu Dực, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông **Đỗ Hiệp P**, sinh năm 1995.

Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1975.

Ông **Phan Tuấn A**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ liên hệ: số 105D, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn Bà **Nguyễn Thị Trúc Đ**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

Ông **Lưu Hồng P**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 367A ấp Nhon An, xã Nhon Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp Long Thị, xã P, huyện G, tỉnh B.

Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp Long Điền, xã P, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T:

Ông Lưu Hồng P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 367A ấp Nhon An, xã Nhon Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vào ngày 15/01/2025 bà Nguyễn Trúc L có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn B số tiền 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Trúc L phần đất có diện tích 150m² thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp 7, xã P, huyện G, tỉnh B; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Việc giao tiền và thực hiện chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện song song.

Bà Nguyễn Trúc L được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Văn B.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật để bà Nguyễn Trúc L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Trường hợp đến ngày 15/01/2025 bà Nguyễn Trúc L không thực hiện việc trả tiền cho ông Nguyễn Văn B thì bà Nguyễn Trúc L có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản của bà L trả lại cho ông Nguyễn Văn B nhà nền xi măng móng cột bê tông cốt thép, vách tường một bên, mái tôn tráng kẽm, ốp tấm cách nhiệt, diện tích 67,8m²; mái che nhà sau nền xi măng, mái tôn, diện tích 21,6m²; mái che chứa đồ nền lát gạch ceramic, mái tôn, diện tích 14,82m² gắn liền với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 150m², tọa lạc tại xã P, huyện G, tỉnh B.

Nếu bà Nguyễn Trúc L không tự nguyện di dời thì ông Nguyễn Văn B được quyền yêu cầu Thi hành án để buộc bà L thực hiện việc di dời tài sản trả lại nhà đất nêu trên cho ông B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Trúc L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0004926 ngày 09/4/2024 và 300.000 đồng biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0004163 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà L còn phải nộp số tiền 35.950.000 (ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0005035 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đang